

BÁO CÁO
Giá thị trường tháng 11/2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

Kính gửi: Bộ Tài chính

Sở Tài chính Quảng Trị báo cáo tình hình giá thị trường tháng 10/2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị như sau:

I. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG, GIÁ CẢ THÁNG 11/2025

1. Mặt bằng giá thị trường và diễn biến mặt bằng giá thị trường hàng hóa, dịch vụ

Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số đô la Mỹ tháng 11 năm 2025 như sau:

	Tháng 11/2025 so với:				Bình quân 11 tháng năm 2025 so với 11 tháng năm 2024
	Kỳ gốc 2019	Tháng 11/2024	Tháng 12/2024	Tháng 10/2025	
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CHUNG	102,76	102,34	101,09	100,13	104,06
1. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	103,51	102,45	101,42	100,92	105,51
<i>Trong đó:</i>	100,05	99,53	98,00	100,20	101,96
- Lương thực	103,80	102,80	101,99	101,10	105,77
- Thực phẩm	104,75	103,02	101,63	100,88	106,59
- Ăn uống ngoài gia đình	100,42	103,51	103,05	100,04	102,96
2. Đồ uống và thuốc lá	101,92	103,92	103,47	100,16	103,56
3. May mặc, mũ nón và giày dép	104,07	100,46	100,39	98,35	104,99
4. Nhà ở và vật liệu xây dựng	101,33	101,42	101,05	100,00	101,54
5. Thiết bị và đồ dùng gia đình	109,49	112,60	100,10	99,87	112,59
6. Thuốc và dịch vụ y tế	112,95	117,02	100,00	100,00	117,02
<i>Trong đó: Dịch vụ y tế</i>	97,48	101,28	100,82	100,89	98,68
7. Giao thông	99,77	99,40	99,41	99,97	99,09
8. Bưu chính viễn thông	104,38	100,96	100,96	100,00	103,28

	Tháng 11/2025 so với:				Bình quân 11 tháng năm 2025 so với 11 tháng năm 2024
	Kỳ gốc 2019	Tháng 11/2024	Tháng 12/2024	Tháng 10/2025	
9. Giáo dục	104,52	100,75	100,75	100,00	103,67
<i>Trong đó: Dịch vụ giáo dục</i>	99,75	100,12	100,06	99,94	100,59
10. Văn hoá, giải trí và du lịch	105,23	101,52	101,24	100,02	104,76
11. Hàng hóa và dịch vụ khác	180,72	162,32	163,60	99,64	144,18
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	105,31	104,44	103,92	100,10	104,16
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	102,76	102,34	101,09	100,13	104,06

(Nguồn số liệu từ Trang thông tin điện tử của Cục Thống kê Quảng Trị)

2. Nguyên nhân biến động mặt bằng giá thị trường, hàng hóa, dịch vụ

Về lương thực và thực phẩm: Thị trường hàng hóa sôi động vào cuối năm, cùng với nhu cầu tiêu dùng tăng lên. Do đó, lượng hàng hóa trên thị trường dồi dào, đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất và tiêu dùng. Về chăn nuôi: công tác kiểm dịch bệnh động vật được kiểm soát tốt, các hoạt động chăn nuôi, thú y, giết mổ, vận chuyển, tiêu thụ, chế biến liên quan được hoạt động trở lại bình thường theo quy định của Luật Thú y và các quy định hiện hành của pháp luật.

Về Văn hóa, giải trí và du lịch: Tăng cường công tác quảng bá, xúc tiến du lịch, đẩy mạnh và làm tốt công tác quảng bá du lịch địa phương thông qua các nền tảng số với nội dung phong phú, chuyên biệt cho từng thị trường trọng điểm và trên các cơ quan thông tấn, báo chí, phương tiện truyền thông.

3. Diễn biến chỉ số giá tiêu dùng (CPI)

Theo số liệu của Cục Thống kê Quảng Trị, Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của tỉnh Quảng Trị tháng 11/2025 tăng 0,92% so với tháng 10/2025, tăng 1,09% so với tháng 12/2024; tăng 2,34% so với tháng 11/2024. Tính bình quân 11 tháng năm 2025 CPI tăng 4,06% so với bình quân 11 tháng năm 2024. Cụ thể so với tháng 10/2025 diễn biến chỉ số giá của từng nhóm hàng như sau:

Các nhóm hàng tăng giá: Có 03/11 nhóm hàng có chỉ số giá tăng: nhóm Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (0,92%); nhóm Đồ uống và thuốc lá (0,16%); nhóm Văn hoá, giải trí và du lịch (0,02%).

Các nhóm hàng giảm giá: Có 04/11 nhóm hàng có chỉ số giá giảm: nhóm May mặc, mũ nón và giày dép (1,65%); nhóm Thiết bị và đồ dùng gia đình (0,03%); nhóm Giao thông (0,03%); nhóm Hàng hóa và dịch vụ khác (0,36%).

Các nhóm hàng ổn định: Có 04/11 nhóm hàng có chỉ số giá ổn định: nhóm Nhà ở và vật liệu xây dựng; nhóm Thuốc và dịch vụ y tế; %); nhóm Bưu chính viễn thông; nhóm Giáo dục.

4. Thống kê mức giá hàng hóa, dịch vụ: (Bảng phụ lục kèm theo báo cáo).

II. DIỄN BIẾN GIÁ THỊ TRƯỜNG CỦA MỘT SỐ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ THIẾT YẾU

(Có Bảng phụ lục kèm theo báo cáo).

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU TIẾT GIÁ

1. Tình hình ban hành các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực giá

Sở Giáo dục và Đào tạo đang tham mưu UBND tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên và phân loại vùng để áp dụng mức học phí; mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục dân lập, tự thực trên địa bàn tỉnh Quảng Trị từ năm học 2025 – 2026.

Sở Tài chính đang tham mưu UBND tỉnh dự thảo Quyết định phân cấp thẩm quyền danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng đối với cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Sở Tài chính đang tham mưu UBND tỉnh dự thảo Quyết định của UBND tỉnh ban hành quy định phân công, phân cấp quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

2. Tình hình triển khai chương trình bình ổn thị trường và các biện pháp bình ổn giá

Thực hiện Thông báo số 459/TB-VPCP ngày 4/9/2025 về việc Thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc – Trưởng Ban Chỉ đạo điều hành giá tại cuộc họp Ban Chỉ đạo về kết quả công tác quản lý, điều hành giá 7 tháng đầu năm 2025, định hướng công tác điều hành giá những tháng còn lại năm 2025.

Triển khai thực hiện Công điện số 7492/CD-BCT ngày 01/10/2025 của Bộ Công Thương và Quyết định số 1726/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc thực hiện các giải pháp nhằm bảo đảm nguồn cung hàng hóa thiết yếu và bình ổn thị trường trong mùa mưa bão, giai đoạn cuối năm 2025 và Tết Nguyên đán Bính Ngọ 2026.

Nhằm đảm bảo ổn định thị trường, UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ngành, địa phương có trách nhiệm tổ chức, theo dõi sát diễn biến cung cầu, giá cả thị trường các mặt hàng thuộc lĩnh vực quản lý để có biện pháp điều hành phù hợp. Tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm kiểm soát, khống chế bệnh Dịch tả lợn Châu Phi; phối hợp các cơ quan kiểm soát chặt hoạt động mua bán, vận chuyển, giết mổ gia súc, gia cầm, thủy sản không rõ nguồn gốc, không đảm bảo vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm, ngăn chặn nguy cơ dịch bệnh trên địa bàn, triển khai công tác hậu kiểm và tăng cường kiểm tra, kiểm soát thị trường, nắm bắt tình hình, thu thập

thông tin về đối tượng, phương thức, thủ đoạn vi phạm để kịp thời kiểm tra, xử lý; tập trung vào các lĩnh vực xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng, thuốc lá, đường cát, an toàn thực phẩm, vật tư nông nghiệp, hàng giả, hàng nhập lậu, hàng vi phạm sở hữu trí tuệ. Kiểm tra việc niêm yết giá và bán đúng giá niêm yết; Đồng thời tăng cường công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trong tình hình mới; thực hiện các giải pháp nhằm bảo đảm nguồn cung hàng hóa thiết yếu và bình ổn thị trường trong mùa mưa bão, giai đoạn cuối năm 2025 và Tết Nguyên đán Bính Ngọ 2026. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến pháp luật; vận động cơ sở kinh doanh ký cam kết không buôn bán hàng cấm, hàng giả, hàng nhập lậu, hàng kém chất lượng; tăng cường kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm. Tăng cường công tác quảng bá, xúc tiến du lịch với nhiều phương thức, chuyên biệt hóa từng phân khúc thị trường mục tiêu, tiếp tục truyền thông trên các kênh sóng của Đài Truyền hình Việt Nam (VTV), trên các phương tiện của Vietnam Airlines, trên báo chí; truyền thông, quảng bá du lịch Quảng Trị tại Hội chợ mùa thu 2025. Chuẩn bị chương trình Chào đón năm mới 2026; truyền thông chương trình ưu đãi của các đơn vị, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch trên địa bàn tỉnh trên nền tảng số du lịch tỉnh; tham gia Hội nghị Công tác xúc tiến du lịch Quốc gia năm 2026 tại tỉnh Ninh Bình,...

3. Công tác định giá

Trong 11 tháng năm 2025, tỉnh Quảng Trị đã tăng cường chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát đối với hoạt động định giá, kịp thời phát hiện, tháo gỡ các vướng mắc trong hoạt động định giá thuộc thẩm quyền, tăng cường phối hợp trong công tác giám định, định giá của các cơ quan liên quan, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm trên địa bàn tỉnh nói chung và công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực nói riêng.

4. Tình hình thực hiện kê khai giá

Công tác kê khai giá trên địa bàn tỉnh Quảng Bình được duy trì thực hiện thường xuyên. Theo số liệu tiếp nhận hồ sơ kê khai giá tại Sở Tài chính, trong tháng 11 đã tiếp nhận 14 hồ sơ kê khai giá, chủ yếu là các mặt hàng như: xăng, dầu, gas, cước vận tải xe ô tô, gạo, ... do biến động thay đổi giá, lũy kế từ đầu năm đến nay đã tiếp nhận 212 hồ sơ kê khai giá.

5. Công tác kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về giá

Thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 17/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trong tình hình mới và Văn bản số 341/TB-VPCP ngày 01/7/2025 của Văn phòng Chính phủ về thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị trực tuyến toàn quốc sơ kết công tác 6 tháng đầu năm 2025 và tổng kết đợt cao điểm đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, UBND tỉnh Quảng Trị đã chỉ đạo Thường trực Ban Chỉ đạo 389/ĐP, UBND các phường, xã, các ngành, lực lượng chức năng của tỉnh tích cực triển khai thực hiện. Bên cạnh đó, Cơ quan Thường trực BCĐ

389 tinh chỉ đạo, đôn đốc các lực lượng chức năng tăng cường phối hợp kiểm tra liên ngành thường xuyên rà soát, kiểm tra trên khâu lưu thông, nhất là hàng hóa vận chuyển từ biên giới; các điểm kinh doanh; các kho hàng, bến bãi, điểm tập kết hàng hóa, trung tâm thương mại, siêu thị chợ đầu mối, cơ sở sản xuất, làng nghề, trú trọng kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm trong thương mại điện tử; tăng cường phối hợp các cơ quan có liên quan kiểm tra, hậu kiểm về an toàn thực phẩm, các mặt hàng, ngành nghề kinh doanh có điều kiện, hạn chế kinh doanh...; xử lý các hành vi kinh doanh thực phẩm giả, độc hại, không rõ nguồn gốc xuất xứ.

Trong tháng 11/2025, các lực lượng chức năng đã phát hiện, bắt giữ 2.334 vụ/2.355 đối tượng vi phạm, đã xử lý vi phạm hành chính 2.308 vụ, xử lý hình sự: 13 vụ/23 đối tượng.

IV. DỰ BÁO GIÁ THỊ TRƯỜNG

1. Dự báo diễn biến mặt bằng giá thị trường và giá một số hàng hóa, dịch vụ thiết yếu và đánh giá tác động dự kiến lên CPI trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

Dự báo các mặt hàng trên thị trường dự báo sẽ có sự biến động về giá hàng hóa tiêu dùng trên thị trường dự kiến tăng do nhu cầu mua sắm, nhu cầu sinh hoạt của người dân vào những tháng cuối năm, tình hình mưa lũ cũng ảnh hưởng không nhỏ đến năng suất và giá lương thực, hàng hóa.

2. Dự kiến phương án điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

Sở Giáo dục và Đào tạo đang tham mưu UBND tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên và phân loại vùng để áp dụng mức học phí; mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trên địa bàn tỉnh Quảng Trị từ năm học 2025 – 2026.

V. GIẢI PHÁP, BIỆN PHÁP QUẢN LÝ, ĐIỀU TIẾT GIÁ

Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả các Chỉ thị, Nghị quyết của Chính phủ về tăng cường công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới. Các sở, ban, ngành trong tỉnh phối hợp chặt chẽ với các lực lượng chức năng, chính quyền địa phương trong việc chấp hành pháp luật về giá, sử dụng linh hoạt, hiệu quả các công cụ, biện pháp điều tiết giá theo quy định của pháp luật về giá để kiểm soát, bình ổn thị trường; tăng cường triển khai hiệu quả và giám sát thực hiện các biện pháp kê khai giá, niêm yết giá; công khai thông tin về giá thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, khắc phục những điểm còn hạn chế, bất cập, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về giá; giám sát chặt chẽ biến động giá các mặt hàng thiết yếu để có giải pháp quản lý, điều hành, bình ổn giá phù hợp. Đồng thời, phối hợp với các ngành chức năng tăng cường kiểm tra, giám sát thị trường về

giá, chất lượng sản phẩm, các quy định về an toàn thực phẩm, các hành vi đầu cơ, găm hàng, tăng giá trái pháp luật trên địa bàn, chủ động phòng chống dịch bệnh, phát triển chăn nuôi, thủy sản, tăng cường công tác y tế; giáo dục, đào tạo và chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân.

Trên đây là Báo cáo giá thị trường tháng 11/2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính, Cục QL giá (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Công thương;
- Thuế tỉnh Quảng Trị;
- Chi cục Quản lý thị trường;
- Lãnh đạo Sở Tài chính;
- Trung tâm DVTCC&XTĐT - Sở Tài chính;
- Lưu: VT, GCSDN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trương Tùng Giang

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ
SỞ TÀI CHÍNH

BẢNG GIÁ THỊ TRƯỜNG THÁNG 11 NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Báo cáo số ngày / /2025 của Sở Tài chính)

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Giá phổ biến kỳ báo cáo	Giá bình quân kỳ trước	Giá bình quân kỳ này	Mức tăng (giảm) giá bình quân	Tỷ lệ tăng (giảm) giá bình quân (%)	Nguồn thông tin	Ghi chú
1	01.001.01	Thóc tẻ	Khang dân hoặc tương đương	đ/kg	8.000	8.000	8.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Khảo sát giá tại các điểm bán hàng
2	01.001.02	Thóc tẻ	Tám thơm hoặc tương đương	đ/kg	10.000	10.000	10.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Khảo sát giá tại các điểm bán hàng
3	01.002.01	Gạo tẻ	Khang dân hoặc tương đương	đ/kg	16.675	17.696	16.675	(1.021)	(5,77)	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 11 năm 2025 của Thống kê Quảng Trị
4	01.002.02	Gạo tẻ	Tám thơm hoặc tương đương	đ/kg	19.735	22.451	19.735	(2.716)	(12,10)	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Khảo sát giá tại các điểm bán hàng
5	01.003	Thịt lợn hơi (Thịt heo hơi)		đ/kg	65.000	65.000	65.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Khảo sát giá tại các điểm bán hàng
6	01.004	Thịt lợn nạc thăn (Thịt heo nạc thăn)		đ/kg	111.199	114.858	111.199	(3.659)	(3,19)	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 11 năm 2025 của Thống kê Quảng Trị

7	01.005	Thịt bò thăn	Loại 1 hoặc phổ biến	đ/kg	248.500	250.826	248.500	(2.326)	(0,93)	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 11 năm 2025 của Thống kê Quảng Trị
8	01.006	Thịt bò bắp	Bắp hoa hoặc bắp lõi, loại 200 - 300 gram/ cái	đ/kg	236.102	250.826	236.102	(14.724)	(5,87)	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 11 năm 2025 của Thống kê Quảng Trị
9	01.007	Gà ta	Còn sống, loại 1,5 - 2kg /1 con hoặc phổ biến	đ/kg	120.000	120.000	120.000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 11 năm 2025 của Thống kê Quảng Trị
10	01.008	Gà công nghiệp	Làm sẵn, nguyên con, bỏ lòng, loại 1,5 - 2kg /1 con hoặc phổ biến	đ/kg	94.398	98.283	94.398	(3.885)	(3,95)	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 11 năm 2025 của Thống kê Quảng Trị
11	01.009	Cá quả (cá lóc)	Loại 2 con/1 kg hoặc phổ biến	đ/kg	74.583	77.517	74.583	(2.934)	(3,78)	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 11 năm 2025 của Thống kê Quảng Trị

12	01.010	Cá chép	Loại 2 con/1 kg hoặc phổ biến	đ/kg	62.246	69.957	62.246	(7.711)	(11,02)	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 11 năm 2025 của Thống kê Quảng Trị
13	01.011	Tôm thẻ chân trắng	Loại 40-45 con/kg	đ/kg	242.755	242.199	242.755	556	0,23	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 11 năm 2025 của Thống kê Quảng Trị
14	01.012	Bắp cải trắng	Loại to vừa khoảng 0,5-1kg/bắp	đ/kg	21.552	17.690	20.819	3.129	17,69	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 11 năm 2025 của Thống kê Quảng Trị
15	01.013	Cải xanh	Cải ngọt hoặc cải cay theo mùa	đ/kg	25.735	20.150	23.948	3.798	18,85	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 11 năm 2025 của Thống kê Quảng Trị
16	01.014	Bí xanh	Quả từ 1-2 kg hoặc phổ biến	đ/kg	18.150	14.031	16.750	2.719	19,38	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 11 năm 2025 của Thống kê Quảng Trị
17	01.015	Cà chua	Quả to vừa, 8-10 quả/kg	đ/kg	29.487	22.293	26655	4.362	19,57	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 11 năm 2025 của Thống kê Quảng Trị

18	01.016	Giò lụa	Loại 1kg	đ/kg	120.588	105.148	120.588	15.440	14,68	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 11 năm 2025 của Thống kê Quảng Trị
19	01.017.01	Đường ăn bao gồm đường trắng và đường tinh luyện	Đường trắng	đ/kg	25.493	24.990	25.493	503	2,01	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 11 năm 2025 của Thống kê Quảng Trị
20	01.017.02	Đường ăn bao gồm đường trắng và đường tinh luyện	Đường tinh luyện	đ/kg	25.493	24.990	25.493	503	2,01	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 11 năm 2025 của Thống kê Quảng Trị
21	02.001.01	Phân đạm; phân DAP; phân NPK	Phân đạm	đ/kg	14.000	14.000	14.000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Theo báo cáo 224/BC-SNNMT ngày 27/10/2025 do Sở Nông nghiệp và MT cung cấp
22	02.001.02	Phân đạm; phân DAP; phân NPK	Phân DAP	đ/kg	15.200	15.200	15.200	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Theo báo cáo 224/BC-SNNMT ngày 27/10/2025 do Sở Nông nghiệp và MT cung cấp

23	02.001.03	Phân đạm; phân DAP; phân NPK	Phân NPK	đ/kg	15.750	15.750	15.750	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Theo báo cáo 224/BC-SNNMT ngày 27/10/2025 Danh mục các loại giống cây trồng, phân bón hoá học, thuốc BVTV do Sở Nông nghiệp và Môi trường cung cấp
24	02.002.01	Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản	Thức ăn hỗn hợp cho gia súc (heo, bò,...)	đ/kg	10.000	10.000	10.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Khảo sát giá tại các điểm bán hàng
25	02.002.02	Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản	Thức ăn hỗn hợp cho gia cầm (gà, vịt, ngan,...)	đ/kg	8.000	8.000	8.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Khảo sát giá tại các điểm bán hàng
26	02.002.03	Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản	Thức ăn thủy sản (cho tôm, cá,...)	đ/kg	30.000	30.000	30.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Khảo sát giá tại các điểm bán hàng
27	03.001	Xi măng PCB 30	bao 50 kg	đ/bao	75.000	75.000	75.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Theo Công bố số 2489/CB-SXD ngày 25/9/2025 của Sở Xây dựng Quảng Trị về việc công bố giá vật liệu xây dựng quý III năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

28	03.002	Xi măng PCB 40	bao 50 kg	đ/bao	76.350	76.350	76.350	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Theo Công bố số 2489/CB-SXD ngày 25/9/2025 của Sở Xây dựng Quảng Trị về việc công bố giá vật liệu xây dựng quý III năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị
29	03.003	Xi măng PCB 50	bao 50 kg	đ/bao	95.000	95.000	95.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Khảo sát giá tại các điểm bán hàng
30	03.004	Thép cuộn	D6 CB 240	đ/kg	13.600	13.600	13.600	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Theo Công bố số 2489/CB-SXD ngày 25/9/2025 của Sở Xây dựng Quảng Trị về việc công bố giá vật liệu xây dựng quý III năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị
31	03.005	Thép cuộn	D8 CB 240	đ/kg	13.600	13.600	13.600	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Theo Công bố số 2489/CB-SXD ngày 25/9/2025 của Sở Xây dựng Quảng Trị về việc công bố giá vật liệu xây dựng quý III năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

32	03.006	Thép thanh vằn	D10 CB 300	đ/kg	14.200	14.200	14.200	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Theo Công bố số 2489/CB-SXD ngày 25/9/2025 của Sở Xây dựng Quảng Trị về việc công bố giá vật liệu xây dựng quý III năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị
33	03.007	Phôi thép vuông	100 x 10, dài 12m	đ/kg	20.985	20.985	20.985	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Theo Công bố số 2489/CB-SXD ngày 25/9/2025 của Sở Xây dựng Quảng Trị về việc công bố giá vật liệu xây dựng quý III năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị
34	03.008	Phôi thép dẹt	40 x 4, dài 6m	đ/kg	17.273	17.273	17.273	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Theo Công bố số 2489/CB-SXD ngày 25/9/2025 của Sở Xây dựng Quảng Trị về việc công bố giá vật liệu xây dựng quý III năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị
35	03.009	Phôi thép dẹt	50 x 5, dài 6m	đ/kg	17.273	17.273	17.273	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Theo Công bố số 2489/CB-SXD ngày 25/9/2025 của Sở Xây dựng Quảng Trị về việc công bố giá vật liệu xây dựng quý III năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

36	03.010	Thép góc	L50	đ/kg	18.182	18.182	18.182	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Theo Công bố số 2489/CB-SXD ngày 25/9/2025 của Sở Xây dựng Quảng Trị về việc công bố giá vật liệu xây dựng quý III năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị
37	03.011	Thép góc	L60	đ/kg	18.182	18.182	18.182	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Theo Công bố số 2489/CB-SXD ngày 25/9/2025 của Sở Xây dựng Quảng Trị về việc công bố giá vật liệu xây dựng quý III năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị
38	03.012	Thép góc	L63-65	đ/kg	18.182	18.182	18.182	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Theo Công bố số 2489/CB-SXD ngày 25/9/2025 của Sở Xây dựng Quảng Trị về việc công bố giá vật liệu xây dựng quý III năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị
39	03.013	Thép góc	L70-75	đ/kg	18.182	18.182	18.182	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Theo Công bố số 2489/CB-SXD ngày 25/9/2025 của Sở Xây dựng Quảng Trị về việc công bố giá vật liệu xây dựng quý III năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

40	03.014	Thép góc	L80-100	đ/kg	18.182	18.182	18.182	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Theo Công bố số 2489/CB-SXD ngày 25/9/2025 của Sở Xây dựng Quảng Trị về việc công bố giá vật liệu xây dựng quý III năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị
41	03.015	Cát xây	Mua rời dưới 2m3/lần, tại nơi cung ứng (không phải nơi khai thác)	đ/m3	288.392	268.876	288.392	19.516	7,26	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 10 và 10 tháng năm 2025 của Thống kê Quảng Trị
42	03.016	Cát vàng	Mua rời dưới 2m3/lần, tại nơi cung ứng (không phải nơi khai thác)	đ/m3	288.392	278.232	288.392	10.160	3,65	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 10 và 10 tháng năm 2025 của Thống kê Quảng Trị
43	03.017	Cát đen đổ nền	Mua rời dưới 2m3/lần, tại nơi cung ứng (không phải nơi khai thác)	đ/m3	170.886	167.697	170.886	3.189	1,90	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 10 và 10 tháng năm 2025 của Thống kê Quảng Trị

44	03.018	Gạch xây	Gạch ống 2 lỗ, cỡ rộng 10 x dài 22, loại 1, mua rời tại nơi cung ứng hoặc tương đương	đ/viên	1.678	1.898	1.678	(220)	(11,59)	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 10 và 10 tháng năm 2025 của Thống kê Quảng Trị
45	03.019	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	Gas đun	đ/ bình 12 kg	415.000	421.992	415.000	(6.992)	(1,66)	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 10 và 10 tháng năm 2025 của Thống kê Quảng Trị
46	04.001	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	Khám bệnh	đ/lượt	36.100		36.100			Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Nghị quyết 68/2024/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 của HĐND tỉnh Quảng Bình, Nghị quyết 32/2024/NQ-HĐND ngày 10/5/2024 của HĐND tỉnh Quảng Trị Quy định mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ BHYT trong các cơ sở KBCB của Nhà nước do tỉnh Quảng Bình quản lý

47	04.002	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân	Khám bệnh	đ/lượt	50.000	50.000	50.000	-	-	Do trực tiếp điều tra, thu thập	Khảo sát giá các phòng khám trên địa bàn tỉnh
51	05.001	Trông giữ xe máy		đ/lượt	5.000	5.000	5.000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 10 và 10 tháng năm 2025 của Thống kê Quảng Trị
50	05.002	Trông giữ ô tô		đ/lượt	10.000	10.000	10.000	-	-	Do cơ quan/đơn vị quản lý nhà nước có liên quan cung cấp/báo cáo theo quy định	Theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 10 và 10 tháng năm 2025 của Thống kê Quảng Trị

